TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 116/2018/DS-ST Ngày 22-5-2018 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Hồng.

2. Bà Ngô Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thanh L – sinh năm 1962;

Cư trú tại: thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lâm Nguyễn Tuyết T – sinh năm 1980;

Cư trú tại: thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Hoàng A – sinh năm 1974;

Cư trú tại: Ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L, anh A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Trương Thanh L trình bày: Bà có tham gia 02 dây hụi do chị T làm chủ cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất khui ngày 20/9/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có tất cả 23 phần, bà tham gia 01 phần và bà đã đóng được 09 kỳ

hụi sống, mỗi tháng đóng từ 1.350.000 đồng đến 1.650.000 đòng, bà đã đóng được tổng số tiền là 13.540.000 đồng.

- Dây thứ hai khui ngày 06/3/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng được 04 kỳ hụi sống, mỗi kỳ bà đóng từ 570.000 đồng đến 800.000 đồng. Bà đã đóng được tổng số tiền là 2.805.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà đã đóng cho chị T là 16.345.000 đồng.

Khi tham gia chơi hụi thì bà không biết hết tất cả các hụi viên tham gia chơi trong dây hụi. Cả 02 phần hụi bà tham gia bà đều chưa hốt và hụi đã bị bể vào ngày 20/6/2017 âm lịch.

Qua đối chiếu hụi giữa bà và chị T tại Tòa án vào ngày 28/02/2018 thì bà L và chị T thống nhất số tiền hụi chị T còn nợ bà là 15.775.000 đồng.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả cho bà số tiền 15.775.000 đồng, thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2017 bị đơn chị Lâm Nguyễn Tuyết T trình bày: Chị thừa nhận bà L có tham gia chơi 02 dây hụi do chị làm chủ cụ thể:

- Dây thứ nhất khui ngày 20/9/2016 âm lịch (bà L tham gia ở dây thứ hai khui cùng ngày 20/9/2016 âm lịch nên số tiền bỏ thăm ở mỗi kỳ của từng dây là không giống nhau), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có tất cả 23 phần, bà L tham gia 01 phần, và bà L đóng được 09 kỳ hụi sống, số tiền hụi bà L đóng dao động từ 450.000 đồng/tháng đến 675.000 đồng/tháng nên số tiền hụi bà L đóng trong dây hụi này là 12.965.000 đồng.

- Dây thứ hai khui ngày 06/3/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 25 phần, bà L tham gia 01 phần và bà L đóng được 04 kỳ hụi sống với số tiền là 2.810.000 đồng.

Tất cả các phần hụi nêu trên bà L đều chưa hốt thì hụi bị bể, tổng số tiền hụi bà L đã đóng cho chị là 15.775.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho bà L số tiền 15.775.000 đồng, chị không khả năng trả 01 lần nên chị xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L vẫn giữ yêu cầu đòi chị T trả cho bà số tiền hụi là 15.775.000 đồng mà hai bên đã đối chiếu vào ngày 28/02/2017, bà L yêu cầu chị T trả số tiền trên làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu chị T trả lãi đối với số tiền nêu trên.

Anh A là đại diện ủy quyền của bị đơn chị T trình bày: Chị T thừa nhận có nợ bà L số tiền hụi là 15.775.000 đồng. Chị T đồng ý trả cho bà L số tiền trên, nhưng trả 01 lần không khả năng vì số tiền chị T nợ bà L là chị T đã cho người khác vay, hiện nay chị T đang khởi kiện để thu hồi các khoản nợ người khác nợ chị, khi nào chị T thu hồi xong các khoản nợ đó thì chị T sẽ trả số tiền trên cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thanh L khởi kiện đòi chị Lâm Nguyễn Tuyết T trả số tiền nợ hụi là 15.775.000 đồng mà hai bên đã đối chiếu và thống nhất vào ngày 28/02/2017. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L đòi chị T trả số tiền nợ hụi là 15.775.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L có tham gia 02 dây hụi do chị T làm chủ cụ thể: Dây hụi khui ngày 20/9/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 01 phần; dây hụi khui ngày 06/3/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà L tham gia 01 phần. Qua đối chiếu hụi giữa bà L và chị T vào ngày 28/02/2018 thì chị T thừa nhận hiện nay chị còn nợ bà L số tiền hụi là 15.775.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T làm chủ các dây hụi nhưng để hụi bể đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của các hụi viên chưa hốt, đồng thời yêu cầu khởi kiện của bà L đối với chị Tuyết T là có cơ sở bởi lẽ chị Tuyết T thừa nhận còn nợ bà L tổng số tiền hụi là 15.775.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đòi chị T trả số tiền 15.775.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi: Bà L không yêu cầu chị T trả lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét về thời gian trả: Bà L yêu cầu chị T trả số tiền nợ làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, anh A là đại diện ủy quyền của bị đơn chị T xin được khi nào thu hồi được các khoản nợ mà người khác nợ chị T xong sẽ trả cho bà L số tiền trên nhưng bà L không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T tổ chức chơi hụi nhưng chị T đã để hụi bể đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của hụi viên tham gia trong dây hụi, đồng thời chị T không xác định được cụ thể thời gian trả nợ và nghĩa vụ trả nợ của người khác đối với chị T không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của chị T đối với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L đòi chị T trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L và buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 15.775.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh L đối với chị Lâm Nguyễn Tuyết T.

Buộc chị Lâm Nguyễn Tuyết T có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thanh L số tiền hụi là 15.775.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm trả số tiền nêu trên thì chị T phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí: Chị Lâm Nguyễn Tuyết T phải chịu 788.750 đồng (bảy trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Trương Thanh L số tiền 408.000 đồng (bốn trăm lẻ tám nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 39099 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh